(M

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2024/HC-PT
Ngày: 27/8/2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, yêu cầu bồi thường

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Võ Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 238/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, yêu cầu bồi thường"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm 9187/2024/QĐ-PT ngày 13/8/2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phan Tiến N; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Trần Thị Thu T1; địa chỉ: đường L2, phường B, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng L3 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Hà Tĩnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:

Ông Nguyễn Quốc T2 – Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Ông Võ Tá N1 – Phó Giám đốc Sở Công thương tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Ông Lê Đức N2 – Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

Ông Phạm Chí H – Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện L1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã T, huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy K – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; có mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Võ Thị T3, sinh năm 1950 - Bí thư, thôn trưởng, trưởng ban Mặt trận thôn L, xã T, huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

4.2. Ông Phan Tiến Đ, sinh năm 1969;

4.3. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1974;

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh; đều có mặt.

4.4. Ông Nguyễn Hoài M, sinh năm 1972;

4.5. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1967;

Đều có địa chỉ: Thôn N3, xã T, huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh; ông T4 có mặt, ông M vắng mặt.

4.6. Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đ1, xã T5, huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, lời trình bày của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:

Gia đình ông Phan Tiến N có một cơ sở chế biến hải sản tẩm ướp ở thôn L, xã T, huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh kinh doanh từ năm 1992. Số lượng thu mua hàng hải sản trung bình của cơ sở ông trước khi xảy ra sự cố là khoảng 3-4 tấn một ngày và bán ra trung bình là 1-2 tấn hàng đã thành phẩm.

Do ảnh hưởng của sự cố môi trường biển, cơ sở của bà Phạm Thị P ở trong xã xuất hàng ra nước ngoài bị trả về vì kết quả kiểm nghiệm lô hàng bị nhiễm Phê non, khách hàng của ông cũng cho rằng hàng của ông cũng bị nhiễm Phê non. Số

hàng tồn kho của ông do ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển, không tiêu thụ được tồn kho đến nay là:

- Ruốc mặn: 320.000kg x 50.000đ = 16.000.000.000 đồng
- Mắm chượp: 100.000kg x 35.000đ = 3.500.000.000 đồng

Tổng cộng: 19.500.000.000 đồng

Số hàng này nếu không có nhiễm độc Fomosa thì ông đã tiêu thụ được và thu về giá trị trên (19.500.000.000 đồng). Tuy nhiên do Fomosa, hàng của ông bị thiệt hại.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã chỉ đạo UBND huyện L1 tiến hành kiểm tra, thống kê thiệt hại để đền bù thiệt hại lô hàng tẩm ướp lưu kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển cho các cơ sở chế biến trên địa bàn Hà Tĩnh. Theo khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, hộ ông N là đối tượng thiệt hại do sự cố môi trường biển, được bồi thường thiệt hại. Căn cứ Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015, toàn bộ thiệt hại thực tế của ông do sự cố môi trường biển được bồi thường.

Thực hiện Quyết định số 1880/QĐ-TTg và Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 đã tổ chức chi trả tiền bồi thường về phần thu nhập bị mất do ảnh hưởng sự cố môi trường biển từ năm 2017, phần thiệt hại về tài sản là lô hàng hải sản tẩm ướp lưu kho, theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ và Quyết định số 12/QĐ-TTg. Ngày 27/9/2017, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã báo cáo thiệt hại về lô hàng hải sản tẩm ướp tồn kho trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Tổng thiệt hại là 5.000 tấn (năm ngàn tấn với tổng thiệt hại là 250 tỷ đồng với đề xuất hỗ trợ 30% giá trị lô hàng bằng 75 tỷ đồng), đồng thời với báo cáo, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh cam đoan với Thủ tướng Chính phủ đó là số thiệt hại thực tế của các cơ sở chế biến hải sản về hàng hải sản tẩm ướp tồn kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển. Ngoài ra, trong các báo của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh cam kết với Thủ tướng Chính phủ sẽ chi trả cho các chủ cơ sở chế biến hải sản tẩm ướp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong đó có hộ ông N.

Theo trình tự thực hiện đề án xác định thiệt hại để đền bù thiệt hại theo Quyết định số 12/QĐ-TTg; sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kinh phí và được Bộ Tài chính cấp kinh phí (được cấp 75 tỷ đồng vào ngày 29/11/2017 tại Công văn số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ), UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 phải tổ chức chi trả cho người dân (trong đó có hộ ông N). Tuy nhiên, UBND tỉnh Hà Tĩnh và UBND huyện L1 sau khi nhận được tiền của Chính phủ không chi trả cho ông nên ông đã khiếu nại.

Ngày 05/5/2022, Chủ tịch UBND huyện L1 ban hành Quyết định số 2543/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông N; Quyết định số 2543/QĐ-

UBND đã xâm phạm quyền lợi hợp pháp của ông N. Vì vậy, ông N đã khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 21/3/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 619/QĐ-UBND, nội dung xâm phạm quyền lợi hợp pháp của ông. Mặt khác, Quyết định số 619/QĐ-UBND không căn cứ vào kết quả đối thoại, vì tại buổi đối thoại người đại diện của ông đã chứng minh rằng những văn bản mà UBND huyện L1 áp dụng đã bị thay thế vì chính UBND tỉnh Hà Tĩnh báo cáo ra Trung ương những văn bản mà huyện L1 áp dụng không thể thực hiện được. Ngay sau ngày đối thoại ông đã cung cấp văn bản thay thế Công văn số 1218/BTC-NSNN cho Sở Công thương và UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 là Văn bản số 4839/TBC-NSNN ngày 13/4/2017, theo đó hàng hải sản tẩm ướp tồn kho không bắt buộc phải có hóa đơn chứng từ như theo đúng quy định, điều này Thủ tướng Chính phủ cũng đã nhắc lại tại Công văn số 1826/TTg-NN.

Do việc thực hiện không đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, Ngành nên UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 đã không chi trả tiền cho ông N, đồng thời ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại trái pháp luật. Vì vậy, ông N đề nghị Tòa án:

1. Hủy Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh.

2. Hủy Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện L1.

3. Kiến nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh sửa đổi Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh vì ban hành văn bản trái quy định của Luật ban hành văn bản vi phạm pháp luật, cần phải sửa đổi cho phù hợp với các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

4. Buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 phải thực hiện bồi thường thiệt hại lô hàng tẩm ướp tồn kho của ông N do bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển miền Trung.

5. Buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh phải thực hiện kiến nghị của 7 Bộ, ban, ngành về việc tiêu hủy toàn bộ hàng hải sản tồn kho đã bị hư hỏng do ảnh hưởng sự cố môi trường biển đã được Thủ tướng đồng ý tại cuộc họp lần thứ 7 Ban chỉ đạo khắc phục sự cố môi trường biển miền Trung đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại khoản 3 mục II Thông báo số 219 ngày 12/5/2017 mà quyết định của UBND tỉnh Hà Tĩnh đã nêu ra.

6. Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh phải quyết định cấp phí bồi thường thiệt hại cho huyện L1 phần thiệt hại của cơ sở ông N.

7. Buộc Chủ tịch UBND huyện L1 phải phê duyệt số tiền bồi thường thiệt hại theo kết quả kiểm tra của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Theo người đại diện ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND tỉnh Hà Tĩnh trình bày:

Trên cơ sở Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành định mức bồi thường thiệt hại cho các đối tượng tại các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế bị thiệt hại do sự cố môi trường biển; Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về hóa đơn chứng từ để xác định giá thu mua hàng hải sản lưu kho trước ngày 30/8/2016 làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg; Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ về Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trương Hòa Bình tại cuộc họp lần thứ IX Ban chỉ đạo về các giải pháp ổn định đời sống và sản xuất, kinh doanh cho nhân dân 04 tỉnh miền Trung; Văn bản số 1826/TTg-NN về việc xử lý 2 hàng hải sản tồn đọng và các đối tượng tồn đọng khác tại địa bàn 04 tỉnh bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển; Thông báo số 92/TB-VPCP ngày 12/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 2138/BNNTCTS ngày 24/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 218/KH-UBND để triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành; UBND huyện L1 rà soát, thực hiện quy trình hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục quy định. Cụ thể:

- Về đối tượng, phạm vi, danh mục hỗ trợ: Chủ cơ sở chế biến hải sản tẩm ướp (chế biến cá ướp, mắm hải sản các loại (trừ nước mắm) để kinh doanh có địa điểm chế biến tại các xã, phường, thị trấn ven biển, cửa sông đã được hỗ trợ thiệt hại về lao động theo quy định tại Quyết định số 1880/QĐ-TTg và Văn bản số 1826/TTg-NN. Danh mục nhóm hải sản tẩm ướp gồm: cá ướp, mắm các loại (trừ nước mắm).

- Về thời gian hỗ trợ: Hải sản tẩm ướp tồn đọng được thu mua, chế biến trước ngày 30/8/2016.

- Tiêu chí xác định: Các đối tượng đáp ứng các tiêu chí gồm: Hàng hải sản xác thực hiện đang tồn trong kho, chưa tiêu thụ được; có bằng chứng chứng minh nguồn gốc, được thu mua, tạm trữ trên địa bàn địa phương trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển; có sự giám sát, xác thực của đại diện cộng đồng dân cư khu vực.

- Về hồ sơ của ông N thì cơ sở của ông N đã thực hiện kê khai hải sản tẩm ướp tồn kho bị thiệt hại do sự cố môi trường biển với tổng khối lượng kê khai 320.000kg mắm cá và 100.000kg ruốc mặn; được cơ sở thu mua của 05 hộ gia đình trên địa bàn huyện L1, huyện T5.

Căn cứ các quy định nêu trên, kết quả kiểm tra xác minh hồ sơ ông N cho thấy, hồ sơ kê khai đề nghị hỗ trợ đối với hàng hải sản tẩm ướp của ông N không đáp ứng các điều kiện để được hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 1 mục I Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ, cụ thể:

Bằng chứng thu mua cơ sở cung cấp là sổ ghi chép nhập hàng (bao gồm các bảng kê khai thu mua hàng hóa, dịch vụ thu mua đầu vào không có hóa đơn theo biểu mẫu 01/TNDN của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính). Tuy nhiên, hàng hóa mua vào lập theo bảng kê này không có căn cứ để lập theo đúng quy định tại Văn bản số 1218/B5TC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính; các bảng kê khai thu mua hàng hóa, dịch vụ thu mua đầu vào được lập vào năm 2020 và nhờ các cơ sở kinh doanh, hộ gia đình khác trên địa bàn nơi công dân khiếu nại cư trú xác nhận; có những nội dung, thông tin, số liệu trong sổ nhập hàng không trùng khớp giữa hồ sơ kê khai và xác minh thực tế. Nguồn gốc, thời gian thu mua, tạm trữ đối với khối lượng hàng hải sản tẩm ướp kê khai không rõ ràng; nội dung giải trình của công dân có nhiều mâu thuẫn, bất hợp lý; số liệu trong hồ sơ kê khai không phù hợp, có hiện tượng tẩy xóa, có dấu hiệu làm giả hồ sơ, không đảm bảo trung thực, chính xác. Kết quả xác minh của huyện L1 đã nêu rõ: Hồ sơ của ông N không đảm bảo các điều kiện để hỗ trợ theo quy định (Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 04/3/2021).

Như vậy, hồ sơ do ông N cung cấp không đảm bảo đúng quy định; do đó, không có cơ sở để được hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp theo quy định.

Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh là đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn về hỗ trợ sự cố môi trường biển của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương và không có căn cứ để khẳng định ông N có thu mua trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển. UBND tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện L1, UBND huyện L1 trình bày:

Về quy trình thực hiện xét duyệt bồi thường sự cố môi trường biển của thôn L, UBND xã T và của UBND huyện L1: Việc xét duyệt bồi thường sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp của thôn L, xã T và UBND huyện L1 đã thực hiện đúng quy trình, quy định tại Kế hoạch số 218/KH-UBND, cụ thể:

- Tại xã T: Thực hiện Kế hoạch số 218/KH-UBND, UBND xã tổ chức họp quán triệt các bước thực hiện theo Kế hoạch số 218/KH-UBND đến tận cán bộ, cấp ủy, ban công tác mặt trận thôn L. UBND xã đã ban hành các Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng đánh giá thiệt hại xã, kiện toàn Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại thôn L; tổ chức thông báo rộng rãi trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn L về việc kê khai hàng hải sản tẩm ướp tồn đọng do sự cố môi trường biển; trên cơ sở danh sách các chủ cơ sở chế biến hải sản tẩm ướp đã được hỗ trợ

thiệt hại về lao động theo quy định tại Quyết định số 1880/QĐ-TTg và Văn bản 1826/TTg, Hội đồng đánh giá của xã đã tổng hợp danh sách theo biểu 01 kèm theo Kế hoạch số 218/KH-UBND, đồng thời gửi Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại của thôn L. Căn cứ danh sách các chủ cơ sở chế biến hải sản tẩm ướp theo biểu 01 do UBND xã cung cấp, Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại thôn L phối hợp với Tổ thống kê, rà soát thiệt hại của xã đến trực tiếp các cơ sở để kiểm tra, xác nhận và hướng dẫn cho các hộ kê khai theo Biểu 02 kèm theo Kế hoạch số 218/KH-UBND. Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại thôn L đã tổng hợp các hồ sơ kê khai có bằng chứng chứng minh nguồn gốc, được thu mua, chế biến trên địa bàn địa phương trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển gồm có 14 cơ sở (trong đó có hộ ông N) và báo cáo UBND xã. Trên cơ sở danh sách các đối tượng thiệt hại của các thôn L tổng hợp lên, Hội đồng đánh giá thiệt hại xã tổng hợp danh sách đối tượng có bằng chứng chứng minh nguồn gốc, được thu mua, chế biến trên địa bàn địa phương trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển của xã T gồm có 14 cơ sở (trong đó có hộ ông N) và báo cáo UBND huyện theo Biểu 3 kèm theo Kế hoạch số 218/KH-UBND.

- Tại UBND huyện L1: Thực hiện Kế hoạch số 218/KH-UBND, UBND huyện đã tiến hành họp với các xã, thị trấn ven biển, cửa sông triển khai thực hiện Kế hoạch số 218/KH-UBND của UBND tỉnh, hướng dẫn, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện các bước kê khai, xác định thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp đảm bảo đồng bộ, công khai, minh bạch, công bằng dân chủ, đúng đối tượng; chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác thông tin tuyên truyền Kế hoạch số 218/KH-UBND trên hệ thống truyền thanh của xã, thị trấn, thôn xóm, tổ dân phố để các tổ chức, các nhân thiệt hại nắm bắt và kê khai theo quy định. Ban hành Quyết định số 4515/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 v/v thành lập Đoàn liên ngành kiểm tra, xác minh nguồn gốc hải sản tẩm ướp hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển, Quyết định số 2596/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 v/v kiện toàn Đoàn liên ngành kiểm tra, xác minh nguồn gốc hải sản tẩm ướp hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển. Sau khi có kết quả xác minh của Tổ công tác và căn cứ hồ sơ kê khai của các tổ chức, cá nhân có kê khai thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp, Hội đồng thẩm định cấp huyện họp soát xét, thống nhất và tham mưu UBND huyện ban hành Thông báo số 878/TB-UBND ngày 30/11/2021 cho ông N được biết không đủ điều kiện được bồi thường sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp.

Quy trình và kết quả giải quyết khiếu nại của UBND huyện:

Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của 14 hộ dân, trong đó có đơn khiếu nại của ông N. Ngày 02/3/2022, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1030/QĐ-UBND v/v thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại, tiến hành kiểm tra, xác minh, làm rõ nội dung đơn khiếu nại của công dân. Trên cơ sở các báo

cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại; ngày 05/5/2022, Chủ tịch UBND huyện L1 đã ban hành Quyết định số 2543/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông N, có nội dung: Không công nhận khiếu nại của ông N khiếu nại UBND huyện L1 không bồi thường sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp cho gia đình ông N là trái với quy định.

Quan điểm của UBND huyện L1 đối với yêu cầu khởi kiện: Không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông N về bồi thường sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp; giữ nguyên quan điểm đã nêu tại Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND huyện L1.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T trình bày:

Thực hiện Kế hoạch số 218/KH-UBND, UBND xã T tổ chức họp quán triệt các bước thực hiện theo Kế hoạch số 218/KH-UBND đến tận cán bộ, cấp ủy, ban công tác mặt trận thôn L. UBND xã đã ban hành các quyết định về việc kiện toàn Hội đồng đánh giá thiệt hại, kiện toàn Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại thôn L; tổ chức thông báo rộng rãi trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn L về việc kê khai hàng hải sản tẩm ướp tồn đọng do sự cố môi trường biển. Trên cơ sở danh sách các chủ cơ sở chế biến hải sản tẩm ướp đã được hỗ trợ thiệt hại về lao động theo quy định tại Quyết định số 1880/QĐ-TTg và Văn bản số 1826/TTg-NN, Hội đồng đánh giá xã đã tổng hợp danh sách theo biểu 01 kèm theo Kế hoạch số 218/KH-UBND, đồng thời gửi Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại của thôn L; Căn cứ danh sách các chủ cơ sở chế biến hải sản tẩm ướp theo Biểu 01 do UBND xã cung cấp, Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại thôn L phối hợp với Tổ thống kê, rà soát thiệt hại của xã đến trực tiếp các cơ sở để kiểm tra, xác nhận và hướng dẫn cho các hộ kê khai theo Biểu 02 kèm theo Kế hoạch số 218/KH-UBND. Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại thôn L đã tổng hợp các hồ sơ kê khai có bằng chứng chứng minh nguồn gốc, được thu mua, chế biến trên địa bàn địa phương trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển gồm có 14 cơ sở (trong đó có hộ ông N) và báo cáo UBND xã. Trên cơ sở danh sách các đối tượng thiệt hại của thôn L tổng hợp lên, Hội đồng đánh giá thiệt hại xã tổng hợp danh sách đối tượng có bằng chứng chứng minh nguồn gốc, được thu mua, chế biến trên địa bàn địa phương trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển của xã T gồm có 14 cơ sở (trong đó có hộ ông N) và báo cáo UBND huyện theo Biểu 3 kèm theo Kế hoạch số 218/KH-UBND.

Quan điểm của UBND xã T đề nghị Tòa án không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Phan Tiến N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 158, Điều 159, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 196, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính 2015; điểm c khoản 1 mục II Kế hoạch số 218/KH-UBND

ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; điểm b khoản 1 mục 1 Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Mục 1 Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính; điểm a khoản 2 Văn bản số 2138/BNN-TCTS ngày 24/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với nhóm hải sản tẩm ướp; điểm 1.4 khoản 1 Mục III Văn bản hướng dẫn liên ngành số 680/LN-NN&PTNT-TC-CT-VHTT&DL ngày 27/12/2017 về hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 8044/BCT-TTTN ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương; Văn bản số 327/BC-UBND ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; Điều 18, Điều 21; Mục 2, 3 Chương 3 Luật Khiếu nại năm 2011; Thông tư số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại; Điều 22, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tiến N về việc yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Hủy Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh.

- Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân huyện L1 phải thực hiện bồi thường thiệt hại lô hàng tẩm ướp tồn kho của ông N do bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển miền Trung.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/4/2024, người khởi kiện là ông Phan Tiến N có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Phan Tiến N và người đại diện theo ủy quyền của ông N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh và UBND tỉnh Hà Tĩnh, Chủ tịch UBND huyện L1 và UBND huyện L1 và người đại diện theo ủy quyền của UBND xã T đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Tiến N, giữ bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung, các tài liệu, chứng cứ của vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phan Tiến N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

[1.1.1] Ngày 16/10/2023, ông Phan Tiến N có đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung đề nghị hủy Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện L1 và Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh; Buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh và UBND huyện L1 phải thực hiện bồi thường thiệt hại lô hàng tẩm ướp tồn kho của ông N do bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển miền Trung; khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 30, Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.1.2] Đối với các yêu cầu khởi kiện gồm: Buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh phải thực hiện kiến nghị của 7 Bộ, ban, ngành về việc tiêu hủy toàn bộ hàng hải sản tồn kho đã bị hư hỏng do ảnh hưởng sự cố môi trường biển đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại cuộc họp lần thứ 7 Ban chỉ đạo khắc phục sự cố môi trường biển miền Trung, tại khoản 3 mục II Thông báo số 219 ngày 12/5/2017 mà quyết định của UBND tỉnh Hà Tĩnh đã nêu ra; Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh phải quyết định cấp kinh phí bồi thường thiệt hại cho huyện L1, trong đó có phần thiệt hại của cơ sở hộ ông N; Buộc Chủ tịch UBND huyện L1 phải phê duyệt số tiền bồi thường thiệt hại theo kết quả kiểm tra của UBND tỉnh Hà Tĩnh; Kiến nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh sửa đổi Kế hoạch số 218/KH-UBND. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các yêu cầu khởi kiện nêu trên không phải khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của vụ án hành chính và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, Điều 30 Luật tố tụng hành chính nên không xem xét là chưa chính xác. Lẽ ra, phải căn cứ vào khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ đối với các yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông N. Do các yêu cầu khởi kiện của ông N đã được xem xét, để ổn định bản án sơ thẩm, nên cũng không cần thiết phải sửa án; Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 2543/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện L1, Quyết định giải quyết khiếu nại số 619/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

[2.1.1] Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của ông N, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 v/v xác minh nội dung

khiếu nại, thành lập Tổ xác minh tiến hành kiểm tra, xác minh, làm rõ nội dung đơn khiếu nại của công dân. Trên cơ sở các báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại; ngày 05/5/2022, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2543/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông N. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện L1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2543/QĐ-UBND đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2021; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

[2.1.2] Không đồng ý với Quyết định số 2543/QĐ-UBND, ông N khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh; UBND tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết khiếu nại của ông N. Ngày 21/3/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 619/QĐ-UBND là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2021; Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

[2.2]. Về nội dung của Quyết định số 2543/QĐ-UBND và Quyết định số 619/QĐ-UBND:

Thực hiện Quyết định số 1880/QĐ-TTg; Văn bản số 1826/TTg-NN; Thông báo số 408/TB-VPCP; Văn bản số 2138/BNN-TCTS; Văn bản số 1218/BTC-NSNN. UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Kế hoạch số 218/KH-UBND triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp. UBND huyện L1 đã tiến hành họp với các xã, thị trấn ven biển, cửa sông triển khai thực hiện Kế hoạch số 218/KH-UBND; hướng dẫn, chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện các bước kê khai, xác định thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân đảm bảo đồng bộ, công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ, đúng đối tượng; Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền Kế hoạch số 218/KH-UBND trên hệ thống loa truyền thanh xã, thị trấn, thôn, xóm, tổ dân phố để các tổ chức, cá nhân thiệt hại nắm bắt, kê khai theo quy định. UBND huyện thành lập Hội đồng định giá, thẩm định thiệt hại, Tổ giúp việc Hội đồng đánh giá, thẩm định, Tổ xác minh nguồn gốc và tính hợp lý, hợp pháp hồ sơ đối với hải sản tẩm ướp tồn kho thiệt hại do sự cố môi trường biển.

Kế hoạch số 218/KH-UBND đã quy định cụ thể về đối tượng, phạm vi, thời gian, tiêu chí xác định thiệt hại; hộ ông N thuộc đối tượng được kê khai. Ông N đã thực hiện kê khai hải sản tẩm ướp tồn kho bị thiệt hại với tổng khối lượng kê khai 320.000kg mắm cá và 100.000kg ruốc mặn với tổng trị giá 16.500.000.000đ; được thu mua của 05 hộ gia đình trên địa bàn huyện L1 và huyện T5. Ông N cho rằng quá trình mua bán hải sản ông đều thực hiện Bảng kê khai thu mua hàng hóa, dịch vụ thu mua đầu vào không có hóa đơn theo Biểu mẫu 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC. Các bảng kê khai thu mua hàng hóa có ký xác nhận của các hộ gia đình, chủ cơ sở bán hải sản. Theo ông N trình bày việc mua bán không có hóa đơn nhưng được bên bán xác nhận, ông N còn cung cấp các

giấy cam đoan của các hộ về việc trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển có bán hải sản cho ông N. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập làm việc được với 04/5 hộ có tên trong sổ nhập hàng đề năm 2016 do ông N cung cấp; tại các bản tự khai những người này đều có lời khai thể hiện năm 2016 có bán nguyên liệu làm mắm, ruốc cho ông N. Tuy nhiên, về khối lượng và giá cả các hộ này không nhớ được cụ thể; khi mua bán giữa người mua và bán không có hóa đơn, chứng từ; các hộ đều không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình và đều xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy, tại Bảng kê khai số lượng hàng hải sản tẩm ướp lưu kho kèm theo các bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn có một số thông tin không chính xác, bị tẩy xóa và sửa ngày tháng, một số chữ ký xác nhận trong Bảng kê không giống với chữ ký trong giấy cam đoan của các hộ. Hơn nữa, các đối tượng được ông N kê khai bán cá, ruốc cho ông N trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển chủ yếu là các đối tượng đã được bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển thuộc các nhóm: Lao động mất việc làm, tàu nằm bờ, lao động trên tàu nằm bờ.

Theo kết quả kiểm tra, xác minh của Tổ xác minh nguồn gốc và tính hợp lý, hợp pháp hồ sơ đối với hải sản tẩm ướp theo Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 04/3/2021 của UBND huyện L1: Đối với 03/5 hộ có trong hồ sơ kê khai bán hải sản cho ông N khẳng định không bán cá, ruốc cho ông N; 01/5 hộ trình bày có bán cá, ruốc cho ông N trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển, giá ruốc 10-12.000đ/kg, cao nhất 25.000đ/kg đối với ruốc tươi, số lượng bán nhiều nhất 1 tấn/lần (nhưng ông N kê khai giá ruốc 28-31.000đ/kg, số lượng mua 2,9 tấn/lần). Đầu năm 2020, ông N đã phô tô Sổ nhập hàng năm 2016 là Biểu mẫu 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC để kê khai thiệt hại đối với hải sản tẩm ướp. Ngày 01/7/2021, tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện L1, Đoàn kiểm tra, xác minh của huyện đã làm việc với hộ ông N, yêu cầu cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc kinh doanh từ năm 2015 đến năm 2018; ông N chỉ cung cấp được sổ nhập hàng năm 2016 là Bảng kê theo mẫu 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC, các loại giấy tờ, sổ sách, báo cáo liên quan khác là không có. Sổ thu mua của ông N có 138 tờ thể hiện thông tin thu mua hải sản từ ngày 15/01/2016 đến 21/9/2016, có ghi rõ đơn giá. Qua xem xét, đối chiếu với đơn giá thực tế của thị trường tại thời điểm từ tháng 01/2016 đến tháng 9/2016 giá các loại cá cơm tươi, cá trích tươi, ruốc tươi từ 30.000đ/kg đến 35.000 đồng/kg là không đúng thực tế. Qua xác minh trực tiếp các đối tượng có tên trong sổ thu mua của ông N trong khoảng thời gian từ tháng 01/2016 đến tháng 9/2016 hầu hết không thừa nhận đã bán sản phẩm cho hộ ông N. Như vậy, nguồn gốc, thời gian thu mua, tạm trữ đối với khối lượng hàng hải sản tẩm ướp kê khai không rõ ràng; nội dung giải trình của có nhiều mâu thuẫn, bất hợp lý; số liệu trong hồ sơ kê khai không phù hợp. Mặt khác, ông N cũng không cung cấp được chứng cứ mua bán giữa ông với các đối tượng có tên trong cuốn sổ. Vì vậy, không thể xác định được

cuốn sổ bảng kê của ông N được lập ra tại thời điểm nào, nội dung có đúng không, không thể xác định chính xác được đối tượng, số lượng, đơn giá thu mua vì hoạt động mua bán chủ yếu diễn ra dưới hình thức mua đứt bán đoạn; không có sổ sách giấy tờ ghi chép để đối chiếu giữa bên bán và bên mua, không xác định được sản phẩm thu mua.

Như vậy, tài liệu chứng minh nguồn gốc hải sản, khối lượng hàng hải sản tẩm ướp của ông N là Bảng kê mẫu 01/TNDN. Tuy nhiên, bảng kê này được các đối tượng ký thời gian sau sự cố môi trường biển; đơn giá, số tiền thu mua được ghi trong sổ mua hàng do ông N đề năm 2016 không đúng với thực tế. Ông N không cung cấp được chứng từ gốc, không có sổ tay ghi chép mua bán thời điểm xảy ra sự cố môi trường biển; các thương lái bán hải sản cho ông N thừa nhận có bán nhưng không nhớ rõ số lượng bán, giá bán nên không có cơ sở để khẳng định khối lượng, đơn giá ông N kê khai đối với hải sản tẩm ướp là đúng trên thực tế, không có tài liệu chứng minh nguồn gốc thu mua, tạm trữ trên địa bàn địa phương tại thời gian xảy ra sự cố môi trường biển. Trưởng thôn L, xã T và UBND xã T đều cho biết chỉ xác nhận đối tượng (họ tên, chữ ký của người kê khai), không phải xác nhận sản lượng, giá trị và bằng chứng chứng minh. Ông N và các tổ chức, cá nhân có liên quan không cung cấp thêm được các hồ sơ, tài liệu, hóa đơn chứng từ chứng minh khối lượng hải sản tẩm ướp kê khai của ông N được thu mua chế biến. Do đó, hồ sơ kê khai của cơ sở ông N không đáp ứng điều kiện để được hỗ trợ theo quy định tại điểm c khoản 1 mục II Kế hoạch số 218/KH-UBND; điểm b khoản 1 mục 1 Thông báo số 408/TB-VPCP; Mục 1 Văn bản số 1826/TTg-NN; điểm a khoản 2 Văn bản số 2138/BNN-TCTS và điểm 1.4 khoản 1 Mục III Văn bản hướng dẫn liên ngành số 680/LN-NN&PTNT-TC-CT-VHTT&DL ngày 27/12/2017 về hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh. UBND huyện L1 đã ban hành Thông báo số 878/TB-UBND ngày 30/11/2021 cho ông N được biết không đủ điều kiện được bồi thường sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp là thực hiện đúng quy định. Quyết định giải quyết khiếu nại số 2543/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện L1 không chấp nhận khiếu nại của ông N là có cơ sở. Quyết định giải quyết khiếu nại số 619/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh công nhận và giữ nguyên Quyết định số 2543/QĐ-UBND là đúng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N về việc đề nghị hủy Quyết định số 2543/QĐ-UBND và Quyết định số 619/QĐ-UBND là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 phải thực hiện bồi thường thiệt hại lô hàng tẩm ướp tồn kho của ông N do bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển miền Trung với số tiền 16.500.000.000 đồng: Theo như phân tích tại mục [2] hộ ông N không đủ điều kiện được bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 phải thực hiện bồi thường thiệt hại với số tiền

16.500.000.000 đồng là đúng quy định.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông N. Đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Tiến N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phan Tiến N.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường **Võ Hồng Sơn** **Lê Thị Thúy Bình**